

Số: 1634756

|                                            | Kia K3 2.0 Premium      | Kia Carens 1.5G Luxury (mới) |
|--------------------------------------------|-------------------------|------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>624.000.000đ</b>     | <b>669.000.000đ</b>          |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                         |                              |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4640 x 1800 x 1450      | 4540 x 1800 x 1750           |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2700                    | 2780                         |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                    | 5310                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 150                     | 190                          |
| Khối lượng không tải (kg)                  | n/a                     | 1297                         |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | n/a                     | 1920                         |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 520                     | 216                          |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 50                      | 45                           |
| Số chỗ ngồi                                | 5                       | 7                            |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước        | SX-LR trong nước             |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                         |                              |
| Loại động cơ                               | 2.0 MPI NU              | SmartStream 1.5G             |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1999                    | 1,497                        |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 150 / 6200              | 113 / 6,300                  |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 192 / 4000              | 144 / 4,500                  |
| Hộp số                                     | 6AT                     | IVT                          |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)         | Cầu trước (FWD)              |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson              | McPherson                    |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn              | Thanh xoắn                   |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                     | Đĩa                          |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                     | Đĩa                          |
| Thông số lốp xe                            | 225/45 R17              | 215/55 R17                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 10.56                   | 8.4                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.75                    | 5.9                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 7.53                    | 6.8                          |
| Chế độ lái                                 | Eco/Comfort/Sport/Smart |                              |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                         |                              |
| Cụm đèn trước                              | LED                     | LED                          |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                       | ●                            |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                       | ●                            |
| Đèn sương mù                               | LED                     |                              |
| Cụm đèn sau                                | LED                     | LED                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                       | ●                            |
| Cửa sổ trời                                | ●                       |                              |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                         |                              |
| Vô lăng bọc da                             | ●                       | ●                            |
| Chất liệu ghế                              | Da                      | Da                           |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                       |                              |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                       |                              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                       | ●                            |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                       |                              |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi           | ●                       |                              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                       | ●                            |

|                                            |             |                             |
|--------------------------------------------|-------------|-----------------------------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | LCD 4.2"    | 4.2" TFT + SEG LCD          |
| Màn hình giải trí trung tâm                | 10.25"      | AVN 8"                      |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●           | ●                           |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | ●           | ●                           |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 2           | 1                           |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                   | ●           | ●                           |
| Chìa khóa thông minh                       | ●           | ●                           |
| Khởi động nút bấm                          | ●           | ●                           |
| Khởi động từ xa                            | ●           | ●                           |
| Hệ thống âm thanh                          | 6 Loa       | 6 loa                       |
| Lấy chuyển số                              | ●           |                             |
| Sạc không dây Qi                           | ●           |                             |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |             |                             |
| Số túi khí                                 | 6           | 2                           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●           | ●                           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●           | ●                           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●           | ●                           |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●           |                             |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●           | ●                           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●           | ●                           |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●           |                             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Trước & Sau | Sau                         |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | ●           | ● (cài đặt giới hạn tốc độ) |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp              | ●           |                             |
| Camera lùi                                 | ●           | ●                           |